

**HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH KÝ QUỸ
KIỂM HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CHO CÁC KHOẢN VAY
TRÊN TÀI KHOẢN GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Số tài khoản: 044

- Căn cứ Thông tư 74/2011/TT-BTC ngày 01 tháng 06 năm 2011 hướng dẫn về giao dịch chứng khoán;
- Căn cứ Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 637/QĐ-UBCK ngày 30 tháng 08 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của các Bên liên quan;

Hôm nay, ngày....tháng....năm....., tại chúng tôi gồm:

Bên A: NHÀ ĐẦU TƯ (Sau đây gọi là NĐT)

Họ và tên/ Tên giao dịch:..... Ngày sinh:/...../.....
CMND/ ĐKKD số: Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú/ Trụ sở chính:
Chỗ ở hiện tại/ Địa chỉ liên hệ:
Tài khoản tiền gửi số: tại ngân hàng:
ĐT cố định: Fax: Website:.....
ĐT di động: Email:

Phần dành riêng cho NĐT là tổ chức:

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức:
Chức vụ:
CMND: Nơi cấp: Ngày cấp...../...../.....
Địa chỉ thường trú/ Địa chỉ liên hệ:
ĐT di động: ĐT cố định: Email
Người được ủy quyền giao dịch của tổ chức:
CMND: Nơi cấp: Ngày cấp...../...../.....
Địa chỉ thường trú/ Địa chỉ liên hệ:
ĐT di động: ĐT cố định: Email

Bên B: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (Sau đây gọi là TVSI)

Trụ sở: Tầng 6 - 79 Lý Thường Kiệt - Q. Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Điện thoại: (84-4).37280921

Fax: (84-4).37280920

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **0103015019** do Sở KH&ĐT TP. Hà Nội cấp ngày 20/ 12/ 2006

Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số **40/ UBCK - GPHĐKD** do UBCKNN cấp ngày 28/12/2006

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 40/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006

Người đại diện: Chức vụ:

Theo giấy ủy quyền số:..... Ngày

Của Ông: **Nguyễn Tiến Thành**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Số tài khoản:

tại NH:

Cùng thỏa thuận ký Hợp đồng này với các điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

Điều 1. Giải thích các thuật ngữ được sử dụng trong Hợp đồng

- Tài khoản giao dịch chứng khoán (TKGDCK):** Là tài khoản NĐT mở tại TVSI để giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật và của TVSI. Tài khoản này bao gồm các tiểu khoản như: tài khoản giao dịch thông thường, tài khoản giao dịch ký quỹ...
- Tài khoản giao dịch thông thường (TKGDTT):** là tài khoản của NĐT mở tại TVSI để giao dịch chứng khoán nhưng không sử dụng tiền vay của TVSI. Số tài khoản này gồm 11 ký tự, trong đó 10 ký tự đầu là ký hiệu tài khoản chứng khoán của NĐT và ký tự thứ 11 là số 1. Cấu trúc số tài khoản giao dịch thông thường: 044C/Fxxxxxx1
- Tài khoản giao dịch ký quỹ (TKGDQK):** là tài khoản của NĐT mở tại TVSI để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán. Số tài khoản này gồm 11 ký tự, trong đó 10 ký tự đầu là ký hiệu tài khoản chứng khoán của NĐT và ký tự thứ 11 là số 6. Cấu trúc số tài khoản giao dịch ký quỹ: 044C/Fxxxxxx6
- Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ kèm hợp đồng tín dụng cho các khoản vay trên tài khoản giao dịch ký quỹ (Hợp đồng):** là hợp đồng được ký kết giữa TVSI và NĐT quy định chi tiết việc mở, sử dụng, quản lý TKGDQK điều kiện giao dịch ký quỹ, cho vay giao dịch ký quỹ, dư nợ cho vay và lãi suất cho vay GDKQ, các tỷ lệ yêu cầu trên TKGDQK và xử lý khi vi phạm, bổ sung tài sản bảo đảm, đảm bảo khoản vay, thực hiện quyền trên TKGDQK, ủy quyền giao dịch trên TKGDQK, các quyền và nghĩa vụ của NĐT và TVSI và các nội dung khác liên quan đến việc TVSI cho NĐT vay để giao dịch ký quỹ chứng khoán.
- Giao dịch ký quỹ (GDKQ):** là giao dịch mua chứng khoán bằng một phần vốn tự có của NĐT và một phần vốn TVSI cho NĐT vay.
- Tỷ lệ ký quỹ ban đầu (Initial Margin hay IM):** tại thời điểm NĐT đặt lệnh mua chứng khoán, trên tài khoản giao dịch ký quỹ của NĐT phải có một số vốn tự có ban đầu (bằng tiền hoặc chứng khoán) nhất định. Tỷ lệ giữa vốn tự có ban đầu với tổng giá trị chứng khoán đặt mua tối thiểu phải bằng tỷ lệ ký quỹ ban đầu.
TVSI quy định hai loại tỷ lệ ký quỹ ban đầu, bao gồm:
 - Tỷ lệ ký quỹ ban đầu của NĐT;
 - Tỷ lệ ký quỹ ban đầu của từng mã chứng khoán.Tỷ lệ ký quỹ ban đầu dùng để xác định vốn tự có ban đầu của NĐT khi NĐT đặt lệnh mua chứng khoán trên TKGDQK là tỷ lệ lớn hơn trong hai tỷ lệ ký quỹ ban đầu nêu trên.
- Tiền mặt (Cash Balance):** là số dư tiền mặt của NĐT trên TKGDQK.
- Dư nợ cho vay thực tế GDKQ của NĐT tại TVSI (Dư nợ cho vay thực tế):** là số tiền thực tế TVSI cho NĐT vay lũy kế đến cuối ngày/ cuối tháng. Chỉ tiêu này được xác định theo các quy định cụ thể tại Điều 5 Hợp đồng này.
- Dư nợ cho vay tạm tính (Debt) hoặc Nghĩa vụ phải hoàn trả (Liabilities):** là số tiền gốc NĐT vay của TVSI để thực hiện GDKQ và lãi vay nhập gốc (nếu có), bao gồm dư nợ cho vay thực tế lũy kế đến thời điểm tính toán (ngày T) và tiền mua chứng khoán sẽ phải trả vào ngày T+1, T+2, T+3.
$$Debt = Liabilities = Dư\ nợ\ cho\ vay\ thực\ tế + AR\ T1 + AR\ T2 + AR - Cash\ Balance$$
- Tiền bán chứng khoán sẽ nhận về vào ngày T+3 (AP), T+2 (AP T2), T+1 (AP T1):** tương ứng là tổng số tiền bán chứng khoán trên TKGDQK sẽ nhận về vào ngày T+3, T+2, T+1 (sau khi đã trừ đi phí giao dịch phải trả TVSI).
- Tiền mua chứng khoán phải trả vào ngày T+3 (AR), T+2 (AR T2), T+1 (AR T1):** tương ứng là tổng số tiền mua chứng khoán trên TKGDQK phải trả vào ngày T+3, T+2, T+1 (bao gồm cả phí giao dịch phải trả TVSI).
- Tổng giá trị đầu tư (LMV):** là toàn bộ giá trị hiện tại của chứng khoán trên TKGDQK bao gồm chứng khoán mua ký quỹ (kể cả chứng khoán sẽ hình thành trong tương lai như: chứng khoán mua sẽ nhận về, chứng khoán mua hoặc sẽ nhận về theo quyền khi NĐT thực hiện quyền) và chứng khoán được GDKQ mà NĐT đề nghị và được TVSI chấp nhận chuyển vào TKGDQK để tăng giá trị tài sản bảo đảm; các chứng khoán này gọi chung là chứng khoán đầu tư.
$$LMV = \sum\ Giá\ trị\ hiện\ tại\ của\ chứng\ khoán\ đầu\ tư$$
- Tài sản ký quỹ khác (Collateral):** là các loại tài sản được TVSI sử dụng làm tài sản ký quỹ không phải là chứng khoán đầu tư, bao gồm cổ tức bằng tiền sẽ nhận về, tiền bán chứng khoán sẽ nhận về, chứng khoán khác được chấp nhận.
- Tài sản bảo đảm (TSBD):** là toàn bộ tài sản của NĐT trên TKGDQK bao gồm chứng khoán (kể cả chứng khoán sẽ hình thành trong tương lai), tiền và các quyền liên quan đến chứng khoán và tiền trên TKGDQK.
- Tổng giá trị tài sản hiện có (Asset):** bao gồm Tiền mặt, Tổng giá trị đầu tư và Tài sản ký quỹ khác trên TKGDQK.
$$Asset = Cash\ Balance + LMV + Collateral$$
- Giá trị tài sản ròng (Equity):** bằng Tổng Giá trị tài sản hiện có trừ đi (-) Nghĩa vụ phải hoàn trả.
$$Equity = Asset - Liabilities$$
- Giá trị ký quỹ yêu cầu (MR):** là giá trị tài sản ròng mà TVSI yêu cầu NĐT phải có để duy trì Tổng Giá trị đầu tư và Tài sản ký quỹ khác trên TKGDQK
$$MR = \sum (LMV \times IM) + Collateral$$
- Giá trị chứng khoán đặt mua chưa khớp (Buy Unmatch):** là tổng giá trị chứng khoán NĐT đặt lệnh mua (đã bao gồm cả phí giao dịch dự kiến phải trả TVSI) nhưng chưa được khớp lệnh.
- Giá trị ký quỹ yêu cầu của lệnh đặt mua (Buy MR):** là giá trị tài sản ròng mà TVSI yêu cầu NĐT phải có để đặt lệnh mua chứng khoán.
$$Buy\ MR = Buy\ Unmatch \times IM$$
- Giá trị tài sản ròng vượt mức ký quỹ (EE):** là giá trị tài sản ròng còn lại của NĐT sau khi trừ đi Giá trị ký quỹ yêu cầu và Giá trị ký quỹ yêu cầu của lệnh đặt mua.
$$EE = Equity - MR - Buy\ MR$$
- Sức mua (PP):** là giá trị bằng tiền mà TVSI cấp cho NĐT căn cứ vào Giá trị tài sản ròng vượt mức ký quỹ và Tỷ lệ ký quỹ ban đầu của NĐT để NĐT có thể đặt mua chứng khoán trên TKGDQK.
$$PP = EE / IM$$
- Tỷ lệ ký quỹ hiện tại (Margin Ratio):** là tỷ lệ hiện tại giữa Giá trị tài sản ròng và số tổng cộng của Tổng giá trị đầu tư và Tiền mặt, được tính khi Tổng giá trị đầu tư và Tiền mặt là số dương.
$$LMV + Cash\ Balance > 0: Margin\ Ratio = Equity / (LMV + Cash\ Balance)$$

$$LMV + Cash\ Balance = 0: Margin\ Ratio: không\ sử\ dụng$$
- Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc hoặc Tỷ lệ ký quỹ duy trì (Call-LMV):** là tỷ lệ do TVSI quy định cụ thể (tùy theo từng thời kỳ và cho từng mã chứng khoán) mà khi Tỷ lệ ký quỹ hiện tại giảm dưới tỷ lệ này (trừ trường hợp số tổng cộng của Tổng giá trị đầu tư và Tiền mặt bằng 0), NĐT bắt buộc phải bổ sung thêm Tài sản bảo đảm và/ hoặc trả bớt một phần hoặc toàn bộ Dư nợ cho vay thực tế để bảo đảm Tỷ lệ ký quỹ hiện tại không thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc.
- Giá trị ký quỹ bắt buộc (Call Margin):** là giá trị mà khi Giá trị tài sản ròng giảm dưới mức giá trị này thì TVSI bắt buộc NĐT phải bổ sung thêm tài sản và/ hoặc trả bớt một phần hoặc toàn bộ Dư nợ cho vay GDKQ của NĐT tại TVSI để bảo đảm Giá trị tài sản ròng không thấp hơn Giá trị ký quỹ bắt buộc.
$$Call\ Margin = LMV \times Call-LMV$$
- Tỷ lệ ký quỹ xử lý (Force-LMV):** là tỷ lệ do TVSI quy định cụ thể từng thời kỳ mà khi Tỷ lệ ký quỹ hiện tại trên TKGDQK của NĐT giảm dưới tỷ lệ này (trừ trường hợp số tổng cộng của Tổng giá trị đầu tư và Tiền mặt bằng 0) thì TVSI được toàn quyền bán một phần hoặc toàn bộ Tài sản bảo đảm và thu hồi một phần hoặc toàn bộ Dư nợ cho vay GDKQ của NĐT tại TVSI để bảo đảm Tỷ lệ ký quỹ hiện tại không thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc.
- Giá trị ký quỹ xử lý (Call ForceSell):** là giá trị mà khi Giá trị tài sản ròng giảm dưới mức giá trị này thì TVSI được toàn quyền: (i) bán một phần hoặc toàn bộ Tài sản bảo đảm để thu hồi một phần hoặc toàn bộ Dư nợ cho vay GDKQ của NĐT tại TVSI nhằm bảo đảm Giá trị tài sản ròng không thấp hơn Giá trị ký quỹ bắt buộc hoặc (ii) chấm dứt Hợp đồng trước hạn.
$$Call\ ForceSell = LMV \times Force-LMV$$

27. **Yêu cầu bổ sung TSBĐ:** là thông báo do TVSI gửi cho NĐT để yêu cầu NĐT nộp thêm tiền mặt vào TKGDCKQ và/ hoặc bổ sung thêm tài sản đầu tư, tài sản thế chấp và/hoặc bán bớt chứng khoán đầu tư để bảo đảm Tỷ lệ ký quỹ hiện tại không thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc.
28. **Giá trị tài sản ròng tối thiểu:** là giá trị do TVSI quy định cụ thể từng thời kỳ mà NĐT chỉ có thể đặt lệnh mua trên TKGDCKQ khi Giá trị tài sản ròng không nhỏ hơn mức giá trị này.
29. **Danh sách chứng khoán được vay GDKQ:** là danh sách do TVSI công bố từng thời kỳ bao gồm các mã chứng khoán được TVSI chấp thuận cho vay để mua trên TKGDCKQ và tỷ lệ ký quỹ ban đầu tương ứng đối với từng mã chứng khoán.
30. **Danh sách chứng khoán không được sử dụng làm TSBĐ:** là danh sách do TVSI công bố từng thời kỳ bao gồm các mã chứng khoán không được TVSI chấp thuận là TSBĐ cho các khoản nợ của NĐT liên quan tới GDKQ.
31. **Tổng nguồn vốn cho vay GDKQ:** là tổng giá trị tối đa bằng tiền mà TVSI có thể cho vay đối với GDKQ trên tất cả các TKGDCKQ.
32. **Giới hạn cho vay tối đa một NĐT:** là giá trị tối đa bằng tiền mà TVSI có thể cho vay đối với mỗi nhà đầu tư.
33. **Các khoản nợ của NĐT đối với TVSI:** bao gồm các khoản nợ gốc, lãi vay tương ứng, lãi vay nhập gốc (nếu có), phí giao dịch, các chi phí khác (nếu có), các khoản tiền phạt và bồi thường thiệt hại (nếu có) và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) của NĐT đối với TVSI.

Điều 2. Mở, sử dụng và quản lý TKGDCKQ

Để NĐT thực hiện được các giao dịch ký quỹ và được TVSI cho vay đối với các giao dịch ký quỹ, NĐT phải mở, sử dụng và quản lý TKGDCKQ theo các nội dung được hai Bên thống nhất như sau:

1. **Mở tài khoản giao dịch ký quỹ:**
 - a) NĐT đã hoàn tất thủ tục mở TKGDCK tại TVSI và đã được TVSI chấp thuận mở tài khoản GDCK số 044
 - b) TVSI mở cho NĐT một tài khoản của TKGDCK nêu trên để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán của NĐT, số tài khoản giao dịch ký quỹ là 044
2. **Sử dụng tài khoản giao dịch ký quỹ:**
 - a) TKGDCK là tài khoản chuyên dùng để thực hiện các giao dịch mua/ bán chứng khoán ký quỹ, giải ngân để cho vay mua chứng khoán, thanh toán tiền gốc cho vay mua chứng khoán, lãi vay, phí, chi phí khác nếu có liên quan đến việc mua/ bán chứng khoán ký quỹ và các giao dịch khác theo quy định tại Hợp đồng này.
 - b) TKGDCK được phép mua các chứng khoán có trong Danh sách chứng khoán được vay GDKQ do TVSI công bố từng thời kỳ.
 - c) TKGDCK không được phép mua các chứng khoán có trong Danh sách chứng khoán không được sử dụng làm TSBĐ do TVSI công bố từng thời kỳ.
 - d) TKGDCK không được phép ứng trước tiền bán chứng khoán.
 - e) TKGDCK không được phép: chuyển khoản/ rút tiền; chuyển khoản/ cho/ tặng chứng khoán; cầm cố/ thế chấp chứng khoán khi NĐT đang còn nợ tiền của TVSI, trừ trường hợp được TVSI đồng ý bằng văn bản.
 - f) Trường hợp TVSI đồng ý cho chuyển khoản tiền từ TKGDCK thì tài khoản nhận tiền chuyển từ TKGDCK phải là tài khoản tiền gửi tại ngân hàng của NĐT được ghi trên Hợp đồng này hoặc các tài khoản khác đã được Nhà đầu tư đăng ký chuyển tiền đến (theo quy định của TVSI về thủ tục mở tài khoản và/ hoặc đăng ký sử dụng dịch vụ trong từng thời kỳ).
 - g) TKGDCK được nhận tiền, chứng khoán chuyển từ TKGDTT để tăng giá trị Tài sản bảo đảm. Trường hợp chuyển chứng khoán thì chứng khoán này phải không nằm trong Danh sách chứng khoán không được sử dụng làm TSBĐ đồng thời chưa và không được dùng để bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào của NĐT đối với Bên thứ ba.
3. **Quản lý tài khoản giao dịch ký quỹ:**

Bảng Hợp đồng này, NĐT ủy quyền cho TVSI được sử dụng TKGDCK theo các nội dung dưới đây. Ủy quyền này không được hủy ngang cho đến khi NĐT thanh toán toàn bộ Các khoản nợ của NĐT đối với TVSI cho TVSI và chính thức thanh lý Hợp đồng này.

 - a) Cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản theo quy định của pháp luật hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
 - b) Thực hiện các công việc theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này;
 - c) Tự động trích tiền từ TKGDCK và TKGDTT của NĐT để thu hồi Các khoản nợ của NĐT đối với TVSI;
 - d) Thay mặt NĐT xử lý TSBĐ và trích từ khoản thu do xử lý TSBĐ để thu hồi Các khoản nợ của NĐT đối với TVSI khi NĐT vi phạm một trong các quy định được thỏa thuận tại Hợp đồng này;
 - e) Thay mặt NĐT trích nộp các khoản thuế, phí, chi phí theo quy định của pháp luật, giữ lại chứng khoán/ tiền của NĐT để thực hiện việc bảo đảm nộp thuế;
 - f) Thay mặt NĐT thực hiện bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đến hạn đối với TVSI theo quy định tại Hợp đồng này hoặc theo quy định của pháp luật;
 - g) Sử dụng toàn bộ tài sản trên TKGDCK của NĐT để làm tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của TVSI đối với Bên thứ ba trong trường hợp TVSI cần tài sản bảo đảm để thu xếp nguồn vốn phục vụ việc cho NĐT vay giao dịch ký quỹ;
 - h) Thực hiện các công việc khác theo quy định tại Hợp đồng này.

Điều 3. Điều kiện giao dịch ký quỹ

NĐT được giao dịch trên tài khoản giao dịch ký quỹ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. NĐT đã ký Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ kèm hợp đồng tín dụng đối với các khoản vay trên tài khoản giao dịch ký quỹ với TVSI, Hợp đồng này đã có hiệu lực và TVSI đã mở cho NĐT TKGDCKQ theo Khoản 1, Điều 2 của Hợp đồng này.
2. NĐT đáp ứng các điều kiện về cho vay và tài sản bảo đảm theo quy định của TVSI từng thời kỳ, không thuộc các trường hợp chấm dứt, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Hợp đồng này hoặc bị hạn chế giao dịch theo các quy định cụ thể của TVSI từng thời kỳ.
3. NĐT phải duy trì các tỷ lệ ký quỹ yêu cầu theo quy định cụ thể tại Điều 7 của Hợp đồng này và của TVSI từng thời kỳ.
4. NĐT phải đáp ứng Giá trị tài sản ròng tối thiểu trên TKGDCKQ theo quy định của TVSI từng thời kỳ.
5. NĐT phải đảm bảo Tỷ lệ ký quỹ ban đầu theo quy định của TVSI và thực hiện đầy đủ theo các quy định về bảo đảm Dư nợ cho vay (giá trị tài sản bảo đảm, loại tài sản bảo đảm...) theo các quy định của Hợp đồng này. Tỷ lệ ký quỹ ban đầu và quy định về bảo đảm Dư nợ cho vay có thể thay đổi theo quyết định của TVSI từng thời kỳ.
6. Chứng khoán NĐT được mua bằng hình thức vay ký quỹ phải thuộc Danh sách chứng khoán được vay GDKQ. Danh sách này có thể thay đổi trong từng thời kỳ, tùy thuộc vào quy định của các Sở GDCK và quyết định của TVSI.
7. Chứng khoán NĐT được tính vào tài sản bảo đảm phải nằm trong Danh sách chứng khoán được sử dụng làm TSBĐ. Danh sách này có thể thay đổi trong từng thời kỳ, tùy thuộc vào quy định của các Sở GDCK và quyết định của TVSI.
8. NĐT phải thực hiện bảo đảm khoản vay theo quy định của Hợp đồng này và các quy định của TVSI từng thời kỳ.
9. Các điều kiện khác theo quy định tại Hợp đồng này, Phụ lục của Hợp đồng (nếu có) và các quy định cụ thể khác có liên quan của TVSI từng thời kỳ.

Điều 4. Cho vay giao dịch ký quỹ

1. **Nguyên tắc cho vay**
 - a) Căn cứ vào Giá trị tài sản ròng vượt mức ký quỹ (EE), TVSI cấp cho NĐT Sức mua (PP) để thực hiện mua chứng khoán trên TKGDCKQ.
 - b) NĐT có thể đặt một hoặc nhiều lệnh mua với giá trị mua khác nhau. Cứ mỗi lệnh mua NĐT đặt, TVSI tự động ghi giảm EE và PP tương ứng trên TKGDCKQ của NĐT. EE và PP sẽ được ghi tăng trở lại khi NĐT hủy lệnh đặt mua không khớp và/ hoặc giá thị trường của chứng khoán được GDKQ trên TKGDCKQ tăng lên. NĐT không đặt được lệnh mua khi $PP \leq 0$.
 - c) Giá thị trường của chứng khoán đầu tư dùng để tính toán Giá trị tài sản ròng và các chỉ số khác được xác định như sau:
 - Trong thời gian giao dịch: là giá giao dịch thực hiện gần nhất.
 - Ngoài thời gian giao dịch:

Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ kèm Hợp đồng tín dụng
cho các khoản vay trên tài khoản giao dịch ký quỹ

- ✓ Đối với chứng khoán được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM là giá đóng cửa của ngày giao dịch hiện tại hoặc ngày giao dịch gần nhất;
 - ✓ Đối với chứng khoán được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội là giá giao dịch bình quân cuối ngày giao dịch hiện tại hoặc ngày giao dịch gần nhất;
- d) NĐT phải tuân thủ quy định về đảm bảo khoản vay theo quy định của Hợp đồng này và quy định khác liên quan của TVSI.
- 2. Phương thức giải ngân**
 Tiền mua chứng khoán đã được khớp lệnh trong ngày trên TKGDQK (bao gồm cả phí môi giới) trước hết được trừ từ Tiền mặt. Khi Tiền mặt = 0, TVSI tự động giải ngân tiền mua chứng khoán còn thiếu theo nguyên tắc dưới đây:
- a) Căn cứ vào phiếu yêu cầu mua/ bán chứng khoán của NĐT và/ hoặc qua các phương thức giao dịch khác (qua điện thoại, internet...) được TVSI chấp nhận và giao dịch thành công, TVSI chuyển tiền giải ngân vào TKGDQK thể hiện bằng số dư tăng thêm của Dư nợ cho vay tạm tính.
 - b) Bằng Hợp đồng này, NĐT ủy quyền cho TVSI trực tiếp thực hiện việc giải ngân từ tài khoản của TVSI vào TKGDQK của NĐT mở tại TVSI để thanh toán các giao dịch mua/ bán chứng khoán.
- 3. Thời hạn cho vay**
 Thời hạn cho vay GDKQ theo Hợp đồng này là ba (03) tháng tính từ ngày TKGDQK bắt đầu phát sinh Dư nợ cho vay. Thời hạn cho vay có thể được gia hạn nhiều lần nhưng không vượt quá ba (03) tháng cho mỗi lần gia hạn.
- 4. Giới hạn cho vay**
- a) Hạn mức cho vay đối với một NĐT là Giới hạn cho vay tối đa một NĐT. Giới hạn cho vay tối đa một NĐT có thể được TVSI thay đổi từng thời kỳ mà không bắt buộc phải thông báo đến NĐT.
 - b) Tổng nguồn vốn cho vay GDKQ có thể được TVSI thay đổi từng thời kỳ mà không bắt buộc phải thông báo đến NĐT.
 - c) NĐT không tiếp tục được vay mua chứng khoán ký quỹ khi đã đạt Hạn mức cho vay hoặc khi Tổng nguồn vốn cho vay GDKQ của TVSI đã được sử dụng hết.
 - d) Việc NĐT đã đạt Hạn mức cho vay hoặc việc TVSI đã sử dụng hết Tổng nguồn vốn cho vay GDKQ sẽ được thông báo tới NĐT tại thời điểm NĐT yêu cầu giao dịch ký quỹ.
- 5. Nhận nợ và thanh toán nợ**
- a) NĐT đương nhiên nhận nợ vay đối với các khoản được giải ngân theo quy định của Hợp đồng này (gốc vay), lãi vay và chi phí liên quan.
 - b) NĐT có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền được giải ngân theo quy định của Hợp đồng này (gốc vay), lãi vay và chi phí liên quan cho TVSI.
 - c) Hợp đồng này thay thế cho yêu cầu thanh toán của NĐT đối với mọi giao dịch mua/ bán chứng khoán ký quỹ của NĐT tại TVSI, đồng thời là căn cứ để TVSI thực hiện giải ngân thanh toán cho các giao dịch này.
 - d) Bằng hợp đồng này NĐT ủy quyền cho TVSI lập văn bản xác nhận khoản nợ vay đối với các khoản đã giải ngân trong ngày của NĐT. Văn bản xác nhận nợ vay này được TVSI lưu trong hồ sơ cho vay giao dịch ký quỹ.
 - e) NĐT đương nhiên nhận nợ đối với số Dư nợ cho vay thực tế được ghi trên văn bản xác nhận nợ vay do TVSI lập mà không cần thêm bất cứ văn bản nào về việc xác nhận nợ của NĐT.
- 6. Dừng cho vay GDKQ**
- a) Trong thời hạn Hợp đồng, nếu vì bất kỳ một lý do nào đó mà TVSI không tiếp tục cho vay GDKQ, TVSI sẽ gửi thông báo tới NĐT về việc dừng cho vay GDKQ tối thiểu một (01) ngày làm việc trước ngày bắt đầu dừng cho vay GDKQ. Kể từ ngày bắt đầu dừng cho vay GDKQ, các khoản vay GDKQ không được tiếp tục gia hạn, các khoản vay mới không được giải ngân.
 - b) Trong trường hợp TVSI dừng cho vay, NĐT có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản Dư nợ cho vay và lãi vay chậm nhất vào ngày kết thúc thời hạn cho vay. Nếu NĐT không thanh toán Dư nợ cho vay và lãi vay cho TVSI đúng hạn, TVSI có toàn quyền bán TSBĐ của NĐT để thu hồi Dư nợ cho vay, lãi vay và tự động trích thu hồi Dư nợ cho vay, lãi vay mà không cần có sự đồng ý, chấp thuận của NĐT.

Điều 5. Dư nợ cho vay thực tế và lãi suất cho vay GDKQ

- 1. Dư nợ cho vay thực tế**
- a) Dư nợ cho vay thực tế được tính hàng ngày và là số tiền thực tế TVSI cho NĐT vay lũy kế đến cuối ngày đó và được xác định như sau:

Dư nợ cho vay thực tế	=	Dư nợ cho vay thực tế ngày liền trước	+	Tiền mua chứng khoán đến hạn thanh toán (đã bao gồm phí giao dịch)	-	Tiền bán chứng khoán đến hạn nhận về (đã trừ phí giao dịch)	-	Tiền mặt
--------------------------	---	--	---	--	---	---	---	-------------

 Trường hợp theo công thức trên Dư nợ cho vay thực tế < 0 thì Dư nợ cho vay thực tế của ngày đó bằng 0.
 - b) Với ngày đầu tiên của tháng, Dư nợ cho vay thực tế được tính như sau:

Dư nợ cho vay thực tế ngày đầu tháng	=	Dư nợ cho vay thực tế ngày cuối tháng trước	+	Lãi vay chưa thanh toán của tháng trước	+	Tiền mua chứng khoán đến hạn thanh toán (đã bao gồm phí giao dịch)	-	Tiền bán chứng khoán đến hạn nhận về (đã trừ phí giao dịch)	-	Tiền mặt
---	---	--	---	--	---	--	---	---	---	-------------

 Trường hợp theo công thức trên, Dư nợ cho vay thực tế ngày đầu tháng < 0 thì Dư nợ cho vay thực tế ngày đầu tháng đó bằng 0.
- 2. Lãi suất cho vay GDKQ**
- a) Lãi suất cho vay GDKQ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm theo tháng (cơ sở 30 ngày/ tháng) hoặc theo năm (cơ sở 360 ngày/ năm). Mức lãi suất áp dụng từng thời kỳ được TVSI công bố trên cơ sở quy định cụ thể của TVSI cho thời kỳ tương ứng.
 - b) Lãi vay được tính hàng ngày dựa trên Dư nợ cho vay của ngày đó và lãi suất cho vay GDKQ đang áp dụng.
 - Trường hợp lãi suất cho vay GDKQ được TVSI quy định theo tháng:

$$\text{Lãi vay} = (\text{Dư nợ cho vay} \times \text{Lãi suất cho vay GDKQ}) / 30$$
 - Trường hợp lãi suất cho vay GDKQ được TVSI quy định theo năm:

$$\text{Lãi vay} = (\text{Dư nợ cho vay} \times \text{Lãi suất cho vay GDKQ}) / 360$$
 - c) Lãi vay của một kỳ: là tổng lãi vay của tất cả các ngày trong kỳ đó.
 - d) Lãi vay của tháng chưa thanh toán sẽ được cộng dồn vào khoản Dư nợ cho vay lũy kế của NĐT.
 - e) Cách tính lãi, mức lãi suất cho vay GDKQ áp dụng trong từng thời kỳ có thể thay đổi tùy theo quyết định của TVSI mà TVSI không cần phải báo trước với NĐT.

Điều 6. Thu hồi Dư nợ cho vay thực tế và lãi vay

- 1. Thu hồi Dư nợ cho vay thực tế**
- a) *Thu hồi Dư nợ cho vay trong hạn*
 - Nợ gốc được thu ngay khi TKGDQK nhận được tiền do NĐT nộp/ chuyển vào tài khoản và/ hoặc tiền bán chứng khoán trên TKGDQK đến hạn nhận về (sau khi đã trừ phí giao dịch) và/ hoặc cổ tức bằng tiền đến hạn nhận về.
 - TVSI tự động lập bút toán trích thu Dư nợ cho vay từ TKGDQK của NĐT và ghi giảm Dư nợ cho vay với giá trị tương ứng với phần đã thu. Nếu Dư nợ cho vay đã được thu hồi đủ, phần còn lại được ghi tăng vào Tiền mặt trên TKGDQK.
 - b) *Thu hồi nợ trước hạn*
 TVSI có quyền không tiếp tục giải ngân, chấm dứt việc cho vay GDKQ, thu hồi nợ trước hạn (bao gồm: dư nợ cho vay, lãi vay, phí chưa thanh toán, các nghĩa vụ khác của NĐT với TVSI) cũng như chấm dứt Hợp đồng với NĐT trong các trường hợp sau:
 - NĐT có liên quan đến các vụ kiện mà theo nhận định của TVSI là có ảnh hưởng đến phần lớn tài sản của NĐT;

Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ kèm Hợp đồng tín dụng cho các khoản vay trên tài khoản giao dịch ký quỹ

- NĐT vi phạm bất kỳ nội dung nào trong Hợp đồng này và/ hoặc các cam kết đã ký với TVSI;
- NĐT không đồng ý thay đổi: lãi suất, phí, các tỷ lệ liên quan đến TKGDQK... do TVSI đưa ra;
- NĐT cung cấp thông tin sai sự thật;
- NĐT là cá nhân chết mà không có người thừa kế được TVSI chấp thuận;
- NĐT bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị khởi tố/truy tố/xét xử về hình sự;
- Đối với NĐT là tổ chức: tổ chức bị giải thể, ngừng hoạt động, chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức, cổ phần hoá hoặc thay đổi chủ sở hữu... hoặc người đại diện theo pháp luật, người điều hành của tổ chức bị khởi tố/ truy tố/ xét xử về hình sự;
- Các trường hợp khác mà TVSI xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi vốn cho TVSI;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thu Lãi vay

- Lãi vay được cộng dồn hàng ngày trong tháng và được thu hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng và/hoặc ngày NĐT thực hiện thanh toán, chấm dứt Hợp đồng này.
- TVSI tự động trích thu hồi lãi vay hàng tháng từ số dư Tiền mặt trên TKGDQK của NĐT đến khi thu hồi đủ lãi vay của tháng đó và ghi giảm Tiền mặt tương ứng với phần lãi vay đã thu.
- Trường hợp Tiền mặt trên TKGDQK của NĐT không đủ tiền trả lãi vay tháng, phần lãi vay còn thiếu của tháng đó được TVSI tự động cộng dồn vào Dư nợ cho vay của ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

3. Thứ tự ưu tiên thu nợ

- Việc thu nợ thực hiện theo thứ tự như sau: phí giao dịch, các khoản phải trả khác của NĐT (nếu có), dư nợ cho vay, lãi vay.
- Riêng trường hợp xử lý tài sản đảm bảo, việc thu hồi nợ thực hiện theo thứ tự như sau: phí giao dịch, dư nợ cho vay, lãi vay, các khoản phải trả khác của NĐT (nếu có).
- TVSI có quyền đơn phương thay đổi các thứ tự ưu tiên thu hồi nợ này.

Điều 7. Các tỷ lệ yêu cầu trên TKGDQK và xử lý khi vi phạm

1. Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc, Giá trị ký quỹ bắt buộc và xử lý khi vi phạm

a) Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc, Giá trị ký quỹ bắt buộc:

- Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc áp dụng từng thời kỳ được TVSI công bố trên cơ sở quy định cụ thể của TVSI cho thời kỳ tương ứng.
- Tỷ lệ ký quỹ hiện tại không được thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc (trừ trường hợp số tổng cộng của Tổng giá trị đầu tư và Tiền mặt = 0), tương ứng Giá trị tài sản ròng không được thấp hơn Giá trị ký quỹ bắt buộc.

b) Xử lý khi vi phạm Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc, Giá trị ký quỹ bắt buộc:

- Khi Tỷ lệ ký quỹ hiện tại thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc (trừ trường hợp số tổng cộng của Tổng giá trị đầu tư và Tiền mặt = 0), TVSI ngay lập tức gửi Yêu cầu bổ sung TSBĐ đến NĐT.
- Trong thời hạn bổ sung TSBĐ theo quy định tại Điều 8 Hợp đồng này, NĐT có nghĩa vụ bổ sung TSBĐ và/ hoặc giảm Dư nợ cho vay để đưa Tỷ lệ ký quỹ hiện tại tăng lên trên Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc.
- Trường hợp quá thời hạn bổ sung TSBĐ theo quy định tại Điều 8 Hợp đồng này mà NĐT không thực hiện bổ sung TSBĐ theo đúng các nội dung yêu cầu của TVSI, đồng thời Tỷ lệ ký quỹ hiện tại trong suốt thời hạn này liên tục thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc nhưng vẫn cao hơn Tỷ lệ ký quỹ xử lý, TVSI được toàn quyền bán TSBĐ của NĐT để thu hồi một phần hoặc toàn bộ Dư nợ cho vay sao cho Tỷ lệ ký quỹ hiện tại tăng lên và cao hơn Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc theo nguyên tắc xử lý TSBĐ được quy định tại Điều 9 Hợp đồng này mà không cần có bất kỳ sự đồng ý/chấp thuận nào của NĐT.

2. Tỷ lệ ký quỹ xử lý, Giá trị ký quỹ xử lý và xử lý khi vi phạm

a) Tỷ lệ ký quỹ xử lý, Giá trị ký quỹ xử lý:

- Tỷ lệ ký quỹ xử lý áp dụng từng thời kỳ được TVSI công bố trên cơ sở quy định cụ thể của TVSI cho thời kỳ tương ứng.
- Tỷ lệ ký quỹ hiện tại không được thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ xử lý (trừ trường hợp số tổng cộng của Tổng giá trị đầu tư và Tiền mặt = 0), tương ứng Giá trị tài sản ròng hiện tại không được thấp hơn Giá trị ký quỹ xử lý.

b) Xử lý khi vi phạm Tỷ lệ ký quỹ xử lý, Giá trị ký quỹ xử lý:

- Khi Tỷ lệ ký quỹ hiện tại tại bất kỳ thời điểm nào giảm dưới Tỷ lệ ký quỹ xử lý (trừ trường hợp số tổng cộng của Tổng giá trị đầu tư và Tiền mặt = 0), ngay lập tức TVSI được toàn quyền bán TSBĐ của NĐT để thu hồi một phần hoặc toàn bộ Dư nợ cho vay sao cho Tỷ lệ ký quỹ hiện tại tăng lên và cao hơn Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc theo nguyên tắc xử lý TSBĐ được quy định tại Điều 9 Hợp đồng này mà không cần có bất kỳ sự đồng ý/chấp thuận nào của NĐT.

Điều 8. Bổ sung Tài sản bảo đảm

1. Bổ sung Tài sản bảo đảm do không đảm bảo tỷ lệ yêu cầu:

- Trường hợp giá thị trường của chứng khoán giảm: Yêu cầu bổ sung TSBĐ được TVSI gửi tới NĐT ngay khi Tỷ lệ ký quỹ hiện tại trên TKGDQK của NĐT thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc (trừ trường hợp số tổng cộng của Tổng giá trị đầu tư và Tiền mặt = 0). Trong trường hợp này, thời hạn NĐT phải thực hiện bổ sung là ba (03) ngày giao dịch kể từ ngày TVSI gửi Yêu cầu bổ sung TSBĐ.

- Trường hợp mã chứng khoán được đưa vào Danh sách chứng khoán không được sử dụng làm TSBĐ (Điểm d, Khoản 4, Điều 9 Hợp đồng này): Yêu cầu bổ sung TSBĐ được TVSI gửi tới NĐT ngay khi TVSI thông báo các mã chứng khoán bị đưa vào danh sách này. Trong trường hợp này, thời hạn bổ sung TSBĐ của NĐT được quy định như sau:

- Năm (05) ngày giao dịch kể từ ngày TVSI gửi thông báo tới NĐT nếu Giá trị ký quỹ bắt buộc > Giá trị tài sản ròng ≥ Giá trị ký quỹ xử lý;

- Một (01) ngày giao dịch kể từ ngày TVSI gửi thông báo tới NĐT nếu Giá trị tài sản ròng < Giá trị ký quỹ xử lý.

2. NĐT có thể thực hiện bổ sung TSBĐ theo các biện pháp sau:

- Nộp/ chuyển tiền vào TKGDQK:

$$\text{Số tiền phải nộp/ chuyển vào TKGDQK} = \text{Giá trị ký quỹ bắt buộc} - \text{Giá trị tài sản ròng}$$

- Bán chứng khoán trên TKGDQK:

$$\text{Giá trị chứng khoán bán (đã trừ phí giao dịch)} = \text{Giá trị chứng khoán đầu tư} - \frac{\text{Giá trị tài sản ròng}}{\text{Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc}}$$

- Chuyển chứng khoán TKGDTT của NĐT sang TKGDQK với điều kiện mã chứng khoán không nằm trong Danh sách chứng khoán không được sử dụng làm TSBĐ:

$$\text{Tổng giá trị chứng khoán được chuyển (tính theo giá thị trường)} = \frac{(\text{Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc} - \text{Tỷ lệ ký quỹ hiện tại})}{(1 - \text{Tỷ lệ ký quỹ hiện tại})} \times \text{Tổng giá trị tài sản}$$

- Kết hợp các biện pháp trên.

3. NĐT liên hệ trực tiếp tại các điểm giao dịch hoặc Trung tâm Dịch vụ khách hàng của TVSI (nếu NĐT có đăng ký) hoặc thực hiện giao dịch qua internet để bổ sung TSBĐ.

Điều 9. Đảm bảo khoản vay

1. Nghĩa vụ được bảo đảm và tài sản bảo đảm

Để thực hiện đúng các nghĩa vụ được bảo đảm, NĐT tự nguyện sử dụng toàn bộ tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình để làm tài sản bảo đảm cho TVSI với các nội dung sau:

- a) Nghĩa vụ được bảo đảm: là nghĩa vụ trả nợ của NĐT cho TVSI, bao gồm Dư nợ cho vay thực tế, lãi vay, phí, tiền phạt và bồi thường thiệt hại, các chi phí khác, các nghĩa vụ hoàn trả, thanh toán khác (nếu có) của NĐT phát sinh khi NĐT thực hiện GDKQ kể cả trong trường hợp Hợp đồng này bị hủy bỏ, chấm dứt, vô hiệu.
- b) Giá trị TSBĐ: TVSI có quyền tính toán, đánh giá và xác định giá trị TSBĐ của NĐT tại bất kỳ thời điểm nào theo giá thị trường quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 4 của Hợp đồng này. NĐT đồng ý việc đánh giá lại TSBĐ này của TVSI và cam kết không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp nào đối với TVSI.
- c) Ngoài các TSBĐ nêu trên, NĐT đồng ý dùng toàn bộ số tiền, chứng khoán của mình và các tài sản hợp pháp khác tại TVSI làm TSBĐ cho nghĩa vụ với TVSI.

2. Thời hạn bảo đảm:

Kể từ ngày ký kết Hợp đồng cho đến khi NĐT thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hoàn trả Dư nợ cho vay, lãi vay, phí, phạt và các nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Sử dụng TSBĐ

TSBĐ được TVSI sử dụng, xử lý để thanh toán cho các khoản nợ mà NĐT phải trả cho TVSI (bao gồm Dư nợ cho vay, lãi vay, phí, chi phí, nghĩa vụ thuế liên quan đến xử lý TSBĐ (nếu có), tiền phạt và bồi thường thiệt hại (nếu có) và các nghĩa vụ hoàn trả, thanh toán khác (nếu có) của NĐT).

NĐT ủy quyền cho TVSI được toàn quyền sử dụng TSBĐ để làm tài sản thế chấp trong trường hợp TVSI cần vay vốn từ Bên thứ ba để cho NĐT vay GDKQ.

4. Nguyên tắc xử lý TSBĐ

- a) **Giá đặt bán:** Là giá xác định giá mở/ đóng cửa (ATO/ATC) nếu đang là phiên giao dịch xác định giá mở/ đóng cửa hoặc giá sàn nếu là phiên giao dịch liên tục.
- b) **Nghĩa vụ tài chính phát sinh trong quá trình xử lý TSBĐ:**
Các chi phí, thuế và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh trong quá trình xử lý TSBĐ do NĐT chịu.
- c) **Xử lý TSBĐ khi NĐT vi phạm các yêu cầu trên TKGDQ (Điều 7):**
 - Mục tiêu xử lý TSBĐ: Tỷ lệ ký quỹ hiện tại cao hơn Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc (Điểm a, Khoản 1, Điều 7).
 - Cách thức xử lý TSBĐ: TVSI đặt bán TSBĐ theo Giá đặt bán được quy định ở Điểm a Khoản này.
 - Trình tự xử lý TSBĐ được thực hiện như sau:
 - + Đặt bán chứng khoán trên TKGDQ trước để đạt mục tiêu xử lý TSBĐ. TVSI toàn quyền quyết định mã chứng khoán và số lượng chứng khoán đặt bán và chỉ dừng việc đặt bán khi với giá trị chứng khoán được khớp, mục tiêu xử lý TSBĐ đã đạt được hoặc đặt bán hết chứng khoán trên TKGDQ mà không đạt được mục tiêu xử lý TSBĐ;
 - + Trường hợp sau khi TVSI đặt bán hết chứng khoán trên TKGDQ mà không đạt được mục tiêu xử lý TSBĐ, TVSI được toàn quyền thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 Hợp đồng này.
- d) **Xử lý TSBĐ thu hồi nợ trước hạn (Điểm b, Khoản 1, Điều 6)**
 - Mục tiêu xử lý TSBĐ: thu hồi đủ Dư nợ cho vay thực tế, lãi vay, phí, tiền phạt và bồi thường thiệt hại, các chi phí khác, các nghĩa vụ hoàn trả, thanh toán khác (nếu có) của NĐT phát sinh khi NĐT thực hiện GDKQ.
 - Cách thức xử lý TSBĐ: TVSI đặt bán TSBĐ theo Giá đặt bán được quy định ở Điểm a Khoản này.
 - Trình tự xử lý TSBĐ được thực hiện như sau:
 - + Đặt bán chứng khoán trên TKGDQ để đạt mục tiêu xử lý TSBĐ. TVSI toàn quyền quyết định mã chứng khoán và số lượng chứng khoán đặt bán và chỉ dừng việc đặt bán khi với giá trị chứng khoán được khớp, mục tiêu xử lý TSBĐ đã đạt được hoặc đặt bán hết chứng khoán trên TKGDQ mà không đạt được mục tiêu xử lý TSBĐ.
 - + Trường hợp sau khi TVSI đặt bán hết chứng khoán trên TKGDQ mà không đạt được mục tiêu xử lý TSBĐ, TVSI được quyền tiếp tục đặt bán chứng khoán trên TKGD thông thường của NĐT để thu hồi đầy đủ và toàn bộ các khoản nêu trên.
 - + TVSI được quyền tự động phong tỏa TKGDQ và TKGDTT của NĐT để trích thu hồi đủ các khoản nợ của NĐT đối với TVSI khi các khoản tiền bán chứng khoán này về tài khoản của NĐT. Giá trị TSBĐ sau khi xử lý và thu hồi nợ nếu còn dư sẽ được TVSI hoàn trả lại cho NĐT.
 - + Sau khi TVSI xử lý toàn bộ TSBĐ của NĐT mà mục tiêu xử lý TSBĐ vẫn không đạt được thì NĐT đương nhiên tiếp tục nhận nợ với TVSI phần nghĩa vụ thanh toán còn chưa được thu hồi đủ và TVSI được toàn quyền xử lý các tài sản khác của NĐT để thu hồi phần nghĩa vụ chưa được thu hồi đủ này.
- e) **Xử lý TSBĐ là chứng khoán bị đưa vào Danh sách chứng khoán không được sử dụng làm TSBĐ**
 - Mục tiêu xử lý TSBĐ: Tỷ lệ ký quỹ hiện tại cao hơn Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc (Điểm a, Khoản 1, Điều 7).
 - Cách thức xử lý TSBĐ: chuyển chứng khoán (đang có trên TKGDQ) bị đưa vào Danh sách chứng khoán không được sử dụng làm TSBĐ từ TKGDQ sang TKGD thông thường, phong tỏa chứng khoán và yêu cầu NĐT bổ sung TSBĐ.
 - Trình tự xử lý TSBĐ được thực hiện như sau:
 - + Khi một mã chứng khoán trên TKGDQ đang là TSBĐ cho các nghĩa vụ của NĐT bị đưa vào Danh sách chứng khoán không được sử dụng làm TSBĐ theo thông báo của TVSI, TVSI sẽ tự động chuyển toàn bộ số chứng khoán này sang TKGD thông thường và tiến hành phong tỏa toàn bộ số chứng khoán đó.
 - + NĐT có nghĩa vụ phải bổ sung TSBĐ để bảo đảm Tỷ lệ ký quỹ hiện tại và Giá trị tài sản ròng hiện tại trên TKGDQ theo các quy định tại Điều 7 Hợp đồng này.
 - + Khi NĐT đã bổ sung đầy đủ TSBĐ và bảo đảm các yêu cầu về Tỷ lệ ký quỹ hiện tại và Giá trị tài sản ròng hiện tại trên TKGDQ theo đúng quy định, TVSI sẽ giải tỏa số chứng khoán đã bị phong tỏa.

Điều 10. Thực hiện quyền trên TKGDQ

Chứng khoán trên TKGDQ phát sinh các quyền vật chất thì các quyền này sẽ được ghi nhận và được chuyển vào TKGDQ để làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của NĐT cho TVSI theo nguyên tắc sau:

1. Đối với quyền là cổ tức bằng tiền: vào ngày chốt quyền và NĐT thực hiện quyền, tiền cổ tức sẽ nhận về được ghi nhận vào Tài sản ký quỹ khác (Collateral) và được chuyển thành Tiền mặt (Cash Balance) vào ngày thực nhận.
2. Đối với quyền là cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và cổ phiếu phát hành thêm: vào ngày chốt quyền và NĐT thực hiện quyền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và cổ phiếu phát hành thêm được ghi nhận vào Tổng giá trị đầu tư (LMV) nhưng NĐT không được phép bán cho đến ngày thực nhận. Cổ phiếu sẽ nhận về theo quyền được định giá theo giá thị trường để bảo đảm các tỷ lệ và giá trị theo quy định của Hợp đồng này.

3. Đối với quyền mua cổ phiếu phát hành thêm: NĐT phải có đủ tiền để thực hiện quyền mua, TVSI không cho vay để mua cổ phiếu phát hành thêm theo quyền mua trừ trường hợp TVSI có quyết định khác bằng văn bản.
 - a) NĐT nộp/ chuyển tiền mua cổ phiếu phát hành thêm theo quyền mua phải ghi rõ nội dung mã cổ phiếu mua, số lượng cổ phiếu mua theo quyền. Số tiền này được TVSI phong tỏa, được nhận lãi không kỳ hạn theo quy định của TVSI nhưng không làm giảm dư nợ cho vay của NĐT tại TVSI. Đến ngày thanh toán tiền mua cổ phiếu theo quyền mua, TVSI tự động trích khoản tiền được phong tỏa này để thanh toán cho tổ chức phát hành theo quy định.
 - b) NĐT chỉ được thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm khi không thuộc các đối tượng TVSI chấm dứt Hợp đồng trước hạn theo các quy định trong Hợp đồng này.
 - c) Nếu NĐT không nộp/ chuyển tiền mua hoặc có nộp/ chuyển tiền mua nhưng không đủ để mua hết số cổ phiếu phát hành thêm theo quyền mua hoặc thuộc đối tượng TVSI chấm dứt Hợp đồng trước hạn, NĐT bằng Hợp đồng này cho phép và ủy quyền toàn bộ cho TVSI tương ứng được thực hiện toàn bộ hoặc phần còn lại của quyền mua (gọi chung là thực hiện quyền mua còn lại). Toàn bộ cổ phiếu và lợi ích phát sinh từ cổ phiếu do việc thực hiện quyền mua còn lại thuộc về TVSI. Khi TVSI chấp nhận thực hiện quyền mua còn lại của NĐT, TVSI sẽ tự động trích tiền của TVSI để thanh toán cho số quyền mua còn lại. TVSI được toàn quyền quyết định và tự động bán, thu lợi ích từ số cổ phiếu mà TVSI thực hiện quyền mua còn lại khi số cổ phiếu đó được nhận về tài khoản của NĐT. NĐT cam kết không có bất cứ khiếu nại, khiếu kiện nào đối với TVSI liên quan tới việc TVSI thực hiện quyền mua còn lại.
4. Trường hợp trên TKGDĐT và TKGDKQ của NĐT có cùng một mã chứng khoán có phát sinh quyền vật chất thì số lượng quyền sẽ được phân bổ tương ứng với số lượng chứng khoán có trên từng tài khoản. Nếu việc chia theo tỷ lệ dẫn đến quyền nhận về của mỗi tài khoản không phải là số nguyên thì sẽ được làm tròn tăng đến hàng đơn vị cho TKGD thông thường và làm tròn giảm đến hàng đơn vị cho TKGD ký quỹ.
5. Đối với quyền biểu quyết: quyền biểu quyết không làm thay đổi giá trị tài sản, do vậy sẽ được tính gộp với TKGDĐT để thực hiện quyền cho NĐT.

Điều 11. Ủy quyền giao dịch trên TKGDKQ

1. Nguyên tắc ủy quyền:

NĐT không được ủy quyền cho cá nhân/ tổ chức thay mặt mình để ký kết Hợp đồng này.

NĐT được thực hiện ủy quyền giao dịch trên TKGDKQ theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và các quy định khác về ủy quyền giao dịch chứng khoán của TVSI.

Trong trường hợp NĐT có ủy quyền giao dịch trên TKGDKQ, phạm vi ủy quyền trong văn bản ủy quyền phải bao gồm các nội dung liên quan tới ủy quyền giao dịch trên TKGDKQ.

2. Thông tin về ủy quyền giao dịch:

Có ủy quyền giao dịch:

Có Không

Người được ủy quyền giao dịch:

Cá nhân Công ty chứng khoán Ngân hàng lưu ký

Nội dung ủy quyền:

Chi tiết nội dung ủy quyền nêu tại văn bản ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của NĐT

1. Quyền của NĐT:

- a) Yêu cầu sử dụng dịch vụ tài trợ giao dịch ký quỹ của TVSI theo đúng các nội dung quy định trong Hợp đồng này.
- b) Chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn với điều kiện đã thanh toán mọi khoản nợ cho TVSI.
- c) Khiếu nại, khởi kiện nếu TVSI vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng này.
- d) Ủy quyền bằng văn bản cho TVSI hoặc cá nhân khác thực hiện các giao dịch trên TKGDKQ theo quy định tại Điều 11 Hợp đồng này.

2. Nghĩa vụ của NĐT:

- a) Chỉ được phép mở một (01) tài khoản giao dịch ký quỹ tại TVSI.
- b) Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp; đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi và không làm bất cứ điều gì khó khăn trở ngại trong trường hợp TVSI phải xử lý TSBĐ theo quy định tại Hợp đồng này.
- c) Nhận nợ vô điều kiện theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng này (không cần có chữ ký của NĐT trên các văn bản xác nhận nợ) đối với các khoản tiền vay được TVSI giải ngân trên TKGDKQ để thanh toán cho các giao dịch đã thành công trên tài khoản này.
- d) Trong trường hợp TVSI đồng ý cho NĐT được phép rút/ chuyển khoản tiền trên TKGDKQ của NĐT, NĐT cam kết nhận nợ vô điều kiện đối với khoản nợ này và khoản nợ này cũng được xem là khoản vay của NĐT và được cộng dồn vào Dư nợ cho vay lũy kế.
- e) Chủ động theo dõi biến động giá chứng khoán trên thị trường hàng ngày, chủ động bổ sung TSBĐ, trả bớt nợ vay, yêu cầu TVSI xử lý một phần hoặc toàn bộ TSBĐ để đảm bảo duy trì Tỷ lệ ký quỹ hiện tại luôn lớn hơn Tỷ lệ ký quỹ bắt buộc.
- f) Trong thời gian cầm cố TSBĐ, không được chuyển nhượng, tặng, cho cầm cố, thế chấp TSBĐ cho bất kỳ bên thứ ba nào; không được thực hiện bất cứ quyền nào phát sinh từ TSBĐ không đúng với các thỏa thuận tại Hợp đồng này; không được xâm phạm đến TSBĐ hoặc sử dụng biện pháp khác để rút tiền từ TSBĐ không đúng với các thỏa thuận tại Hợp đồng này.
- g) Thanh toán phí, chi phí, các khoản thuế liên quan tới việc gửi, giữ, cầm cố, quản lý, phong tỏa, xử lý TSBĐ và việc mở, sử dụng và quản lý TKGDKQ.
- h) Bổ sung TSBĐ theo quy định của TVSI trong trường hợp TSBĐ của NĐT bị giảm sút giá trị theo đánh giá của TVSI.
- i) Trả nợ (gốc và lãi), phí, chi phí, các khoản đến hạn khác (nếu có) đầy đủ và theo đúng yêu cầu của TVSI hoặc Bên nhận chuyển nhượng.
- j) Cam kết vô điều kiện dùng mọi nguồn thu và tài sản của NĐT để trả đủ nợ gốc, nợ lãi, phí, chi phí và các khoản nợ đến hạn khác (nếu có) cho TVSI hoặc Bên nhận chuyển nhượng; đồng thời đồng ý để TVSI tự động phong tỏa tài khoản và trích tiền từ tài khoản của NĐT mở tại TVSI để thu hồi các khoản nợ gốc, nợ lãi, phí, phạt, bồi thường thiệt hại, các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) cho TVSI.
- k) Mở các tài khoản tại TVSI và thực hiện giao dịch liên quan đến việc sử dụng tiền vay theo đúng quy định tại Hợp đồng này.
- l) Ủy quyền cho TVSI toàn quyền xử lý TSBĐ để thu hồi nợ cho TVSI khi Tỷ lệ ký quỹ hiện tại bằng hoặc nhỏ hơn Tỷ lệ xử lý. TVSI có quyền phối hợp hoặc ủy quyền lại cho bên thứ ba thay mặt TVSI xử lý TSBĐ.
- m) Bồi thường cho TVSI tất cả các thiệt hại nếu thiệt hại đó là do NĐT gây nên.
- n) Đồng ý, chấp thuận và tuân thủ đúng các quy định của Hợp đồng này và cam kết không có bất cứ khiếu nại, khiếu kiện nào đối với các quy định của Hợp đồng này.
- o) Tự chịu trách nhiệm về các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật cũng như các rủi ro phát sinh do các nguyên nhân khách quan trong quá trình hoạt động của TVSI.

3. Cam kết của NĐT

- a) NĐT có đủ thẩm quyền cần thiết để ký kết Hợp đồng, tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng này
- b) NĐT đã đọc, thông hiểu và đồng ý với toàn bộ quy định về giao dịch ký quỹ nêu tại Hợp đồng này.
- c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng này, các văn bản và cam kết vay vốn liên quan theo quy định của pháp luật.
- d) Tuân thủ, thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng này.
- e) Không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp nào đối với TVSI về việc TVSI thực hiện theo các quy định cụ thể tại Hợp đồng này về nguyên tắc cho vay, phương thức giải ngân, thủ tục giải ngân, thời hạn cho vay, giới hạn cho vay, nhận nợ và thanh toán nợ, dừng cho vay GDKQ, dư nợ cho vay, lãi suất cho vay, thu hồi dư nợ cho vay và lãi vay, các tỷ lệ yêu cầu trên TKGDKQ và xử lý khi vi phạm, bổ sung tài sản bảo đảm khoản vay, thực hiện quyền trên TKGDKQ và ủy quyền giao dịch trên TKGDKQ.

- f) Trường hợp xảy ra tranh chấp giữa NĐT và Bên nhận ủy quyền giao dịch của NĐT (gọi tắt là Bên nhận ủy quyền), NĐT và Bên nhận ủy quyền cam kết và đảm bảo không yêu cầu TVSI phải tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp dù trong bất kỳ trường hợp nào. Nếu TVSI phải tham gia theo yêu cầu của Tòa án thì NĐT và Bên nhận ủy quyền sẽ liên đới chịu các phí tổn của TVSI để tham gia.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của TVSI

1. Quyền của TVSI

- a) Từ chối giải ngân nếu NĐT không đáp ứng đầy đủ các điều kiện về giải ngân, TSBĐ, các tỷ lệ yêu cầu trên TKGDQK và/ hoặc các điều kiện khác theo quy định của Hợp đồng này, quy định của pháp luật và các quy định cụ thể khác của TVSI có liên quan;
 - b) Đơn phương xác định lại, điều chỉnh và/ hoặc thay đổi danh mục chứng khoán được GDKQ mà không cần phải thông báo trước;
 - c) Đơn phương xác định lại, điều chỉnh các tỷ lệ ký quỹ ban đầu đối với bất kỳ loại chứng khoán nào mà không cần phải thông báo trước.
 - d) Đơn phương thay đổi mức lãi suất cho vay, thay đổi cách thức tính dư nợ cho vay, lãi vay mà không cần phải thông báo trước.
 - e) Tự động ghi nợ/ có, chuyển khoản, nộp/ trích/ rút tiền đối với các tài khoản của NĐT tại TVSI để:
 - Chuyển tiền thanh toán cho các giao dịch mua, bán, thanh toán phí của NĐT tại TVSI để thực hiện các GDKQ theo Hợp đồng này;
 - Thu hồi nợ gốc, nợ lãi, phí, phạt, nghĩa vụ hoàn trả tiền vay và các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này đối với các trường hợp được quy định tại Điều 9 của Hợp đồng này.
 - f) Tự động đóng TKGDQK khi NĐT không thực hiện giao dịch trên TKGDQK trong khoảng thời gian nhất định theo quy định của pháp luật.
 - g) Thực hiện các giao dịch khác theo ủy quyền của NĐT cho cơ quan có thẩm quyền nếu có yêu cầu.
 - h) Cung cấp các thông tin liên quan đến các tài khoản của NĐT cho cơ quan có thẩm quyền nếu có yêu cầu.
 - i) Được quyền phong tỏa các tài khoản GDCK tại TVSI mà NĐT là người được ủy quyền giao dịch trong trường hợp có phát sinh tranh chấp giữa NĐT với TVSI.
 - j) Được quyền xử lý tài sản đảm bảo theo quy định tại Hợp đồng này nếu yêu cầu NĐT thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc đến thời hạn được TVSI yêu cầu trả nợ trước hạn mà NĐT không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho TVSI.
 - k) Được quyền yêu cầu NĐT sử dụng mọi tài sản và nguồn thu khác của NĐT để trả nợ gốc và lãi cho TVSI trong trường hợp tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh không đủ để trả nợ gốc và lãi cho TVSI.
 - l) Được quyền thu hồi nợ trước hạn khi xảy ra các sự kiện quy định tại Điều 6 Hợp đồng này.
 - m) Không cần sự chấp thuận của NĐT, được toàn quyền chuyển giao hoặc chuyển nhượng cho Bên thứ ba (gọi tắt là bên nhận chuyển nhượng) thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền lợi và nghĩa vụ của TVSI theo quy định trong bản Hợp đồng này và các Hợp đồng, các phụ lục, bổ sung, sửa đổi kèm theo bao gồm quyền đòi các khoản nợ gốc, thụ hưởng tiền lãi phát sinh, nợ gốc quá hạn, nợ lãi quá hạn và chi phí khác (nếu có). Trong trường hợp này, TVSI có nghĩa vụ phải thông báo cho NĐT bằng văn bản.
 - n) Được quyền thu phí liên quan đến việc cho vay và/ hoặc các khoản phí khác theo TVSI quy định trong từng thời kỳ phù hợp với pháp luật và thỏa thuận tại Hợp đồng này.
 - o) TVSI có quyền gửi nội dung thông báo liên quan đến TKGDQK cho chính chủ tài khoản và/ hoặc người nhận ủy quyền giao dịch (trong trường hợp có văn bản ủy quyền theo đúng quy định và phạm vi bản ủy quyền bao gồm nội dung về nhận thông báo giao dịch).
- ### **2. Nghĩa vụ của TVSI**
- a) Giải ngân tiền vay cho NĐT khi NĐT đáp ứng đầy đủ các điều kiện giải ngân, điều kiện về TSBĐ và các tỷ lệ bảo đảm theo đúng quy định của Hợp đồng này.
 - b) Thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng này, phụ lục Hợp đồng (nếu có), đề nghị văn bản thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng và tài liệu kèm theo (nếu có).
 - c) Thực hiện lưu giữ hồ sơ GDKQ của NĐT phù hợp với các quy định của pháp luật.
- ### **3. Các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này, các văn bản, cam kết liên quan, các quy định về cho vay, nhận TSBĐ của TVSI và pháp luật.**

Điều 14. Chấm dứt hợp đồng

1. Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:
 - a) Hai Bên có thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng.
 - b) NĐT đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho TVSI mà không có nhu cầu tiếp tục được giao dịch ký quỹ. Trong trường hợp này, NĐT phải có văn bản gửi TVSI về việc chấm dứt Hợp đồng.
 - c) TVSI không tiếp tục cung cấp sản phẩm giao dịch ký quỹ cho các khách hàng của mình.
- a) Quy định của pháp luật hoặc quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong thời gian Hợp đồng này có hiệu lực xác định các Bên không được phép tiến hành thỏa thuận trong Hợp đồng này.
2. TVSI được đơn phương chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:
 - a) NĐT vi phạm quy định tại Điều 12 Hợp đồng này hoặc NĐT không thực hiện sửa chữa vi phạm trong thời hạn theo thông báo của TVSI.
 - b) TVSI thực hiện thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 Hợp đồng này
3. Trách nhiệm khi TVSI đơn phương chấm dứt Hợp đồng:
 - a) TVSI không phải bồi thường bất kỳ thiệt hại nào cho NĐT.
 - b) NĐT có trách nhiệm thanh toán cho đến khi không còn bất kỳ khoản dư nợ nào tại TVSI.
 - c) Không bị ảnh hưởng bởi việc Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn, tất cả các nghĩa vụ còn lại của NĐT đối với TVSI theo Hợp đồng sẽ được bảo lưu và sẽ chỉ được xem như hoàn thành khi NĐT thực hiện tất cả các nghĩa vụ đó với TVSI.

Điều 15. Thông báo

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các thông báo được xem là hợp lệ nếu đã được gửi cho phía bên kia bằng một trong các hình thức sau: thư chuyển phát nhanh, điện thoại, tin nhắn (sms), fax, hoặc email theo các thông tin của mỗi Bên nêu tại Hợp đồng này.
2. Một thông báo được xem là đã nhận tại thời điểm ký nhận đối với thư chuyển phát nhanh, thời điểm báo cáo đã fax thành công đối với bản fax hoặc gửi thành công tin nhắn (sms), thời điểm lưu bản ghi âm đối với điện thoại, thời điểm gửi email thành công đối với email.
3. Nếu một bên thay đổi thông tin nhận thông báo thì bên đó phải cung cấp ngay lập tức cho phía bên kia. Nếu bên nhận thông báo không cung cấp kịp thời thông tin nhận thông báo dẫn tới thông báo bị thất lạc thì lỗi hoàn toàn thuộc về bên nhận thông báo và bên gửi thông báo không chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại phát sinh (nếu có) của bên nhận thông báo do sự thất lạc này.

Điều 16. Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp

1. Hợp đồng này được điều chỉnh bởi pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Các tranh chấp phát sinh liên quan đến Hợp đồng này sẽ được các Bên bàn bạc xử lý trên tinh thần hợp tác, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau.
3. Trường hợp các Bên không tự thỏa thuận được hoặc không muốn thỏa thuận với nhau, một trong các Bên có quyền khởi kiện ra Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền nơi thực hiện Hợp đồng này để giải quyết theo quy định của pháp luật.
4. Trong quá trình tố tụng, vì bất cứ lý do gì mà NĐT vắng mặt thì NĐT chấp nhận việc Tòa án xét xử vắng mặt NĐT, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của NĐT.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Một số nội dung trong Hợp đồng này có thể thay đổi theo quyết định của TVSI từng thời kỳ và khác biệt với quy định tại Hợp đồng này. Trong trường hợp đó, các quy định mới sẽ được TVSI thông báo đầy đủ tới NĐT và có giá trị thay thế cho các điều khoản tương ứng đã quy định tại Hợp đồng này. Các nội dung có thể thay đổi này bao gồm:
 - a) Cách tính các tỷ lệ ký quỹ, giá trị ký quỹ;
 - b) Các quy định về tỷ lệ yêu cầu;
 - c) Thứ tự ưu tiên thu nợ;
 - d) Mục tiêu, cách thức, trình tự xử lý tài sản bảo đảm;
 - e) Biện pháp, thời hạn bổ sung tài sản bảo đảm;
 - f) Các nội dung khác (nếu có).
2. Mọi thay đổi khác đối với các nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được các Bên thỏa thuận bằng văn bản. Các văn bản này là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.
3. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo các cam kết, thỏa thuận khác giữa các Bên và theo quy định của pháp luật có liên quan.
4. Mọi thông báo, văn bản giao dịch giữa NĐT và TVSI được gửi theo địa chỉ và cách thức nêu tại Hợp đồng này và các văn bản liên quan nếu có. Trường hợp một Bên có sự thay đổi địa chỉ thì phải thông báo trước cho Bên kia bằng văn bản; nếu không thông báo thì Bên kia có quyền gửi theo địa chỉ cũ và mặc nhiên coi như Bên còn lại đã nhận được văn bản.
5. Bằng Hợp đồng này, NĐT ủy quyền cho TVSI thực hiện các công việc mà theo yêu cầu của pháp luật phải có ủy quyền của NĐT để TVSI có thể thực hiện được các quyền của mình theo Hợp đồng này.
6. Hai bên đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí, tự nguyện ký kết và cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng này, nếu vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.
7. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi NĐT thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ đối với TVSI, gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, chi phí (nếu có) và các nghĩa vụ liên quan khác.
8. Hợp đồng này được lập thành ba (03) bản có giá trị pháp lý như nhau: NĐT giữ một (01) bản, TVSI giữ hai (02) bản.

NHÀ ĐẦU TƯ
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

ĐẠI DIỆN TVSI
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu